

HÀ NỘI NHÌN TỪ CHÂU BẢN: PHỐI CẢNH NHIỀU NGUỒN SỬ LIỆU VIỆT NAM

VIỆT ANH

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt:

Hà Nội là vùng đất lịch sử có vị trí quan trọng đối với nhiều chuyên ngành nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Hà Nội trong giai đoạn trị vì của các vua nhà Nguyễn và sự quản trị của chế độ thuộc địa do người Pháp thực thi giữ một vị thế đáng kể trong nghiên cứu lịch sử. Đặc sắc bởi nguồn tư liệu Châu bản triều Nguyễn, các nghiên cứu về Hà Nội giai đoạn quân chủ-thuộc Pháp này góp phần tái nhận thức về sự vận hành của một xã hội truyền thống phải đối diện với nhiều phương diện của các nền văn hóa mới. Bài viết được xây dựng trên cơ sở tư liệu Châu bản triều Nguyễn, được kết cấu bởi các góc nhìn sử học, nhấn mạnh giá trị của Châu bản triều Nguyễn trong hệ thống các nguồn tư liệu lịch sử. Trên hết, thành tựu khai thác các nguồn tư liệu đều đồng quy về số phận con người trong lịch sử dân tộc.

Từ khóa: Châu bản, Châu bản Hà Nội, Châu bản triều Nguyễn, Quân chủ, Thuộc địa.

Vùng đất được gọi tên Hà Nội từ đời Hoàng đế Minh Mệnh (1820-1840) nhà Nguyễn là một kinh đô lâu đời của nước Việt, theo chính sử là từ năm 1010. Với đà biến động của lịch sử, địa danh Hà Nội đã trải qua một biến động hành chính lớn từ năm 1831. Năm này, theo ý chỉ của vua Minh Mệnh nhà Nguyễn, Hà Nội chính thức không còn là Kinh đô của nước Việt. Hà Nội trở thành một tỉnh của Bắc Kỳ, bao gồm 4 phủ, 15 huyện. Làng xã thuộc các huyện ngoại thành Hà Nội như huyện Phú Xuyên, huyện Từ Liêm, huyện Đan Phượng nằm trong số đó. Nửa sau thế kỉ XIX, dưới chế độ bảo hộ của người Pháp, ngoại trừ thành Hà Nội được Tổng thống Pháp kí sắc lệnh chính thức nâng cấp lên thành phố, phần còn lại của tỉnh ấy được đổi thành tỉnh Cầu Đơ vào năm 1902 rồi tỉnh Hà Đông vào năm 1904. Nhiều huyện vốn thuộc tỉnh Hà Nội nằm trong sự thay đổi ấy, song vị trí địa lí ven Hà Nội thì không mấy thay đổi.

Châu bản triều Nguyễn là nguồn tư liệu hoàng gia quý hiếm may mắn được bảo lưu đến nay. Ở Việt Nam, ngoài triều đại các vua nhà Nguyễn, tính đến nay chưa tìm được loại hình tài liệu nào được coi là Châu bản của các vương triều khác. Không chỉ là thực chứng

lưu trữ dấu tích hoạt động của bộ máy hành chính của một triều đại, phản ánh nhiều vấn đề ở tâm vĩ mô của xã hội quân chủ Việt Nam, Châu bản triều Nguyễn đồng thời phản ánh quá trình gặp gỡ, đụng chạm của hai thế giới Âu Tây - Việt Nam vốn nhiều cách biệt. Ở đó, những khác biệt vốn có trong quá trình gặp gỡ giữa hai quốc gia, hai nền văn hóa cũng chỉ là một vài trong nhiều vấn đề được chứa đựng trong nội dung Châu bản. Nhận định của một nhà nghiên cứu hàng đầu về Việt học và thế giới Đông Á đã chỉ ra tính phong phú trong nội dung Châu bản: “Sự phong phú về vấn đề trong Châu bản liên quan tới hàng loạt khía cạnh phức tạp ngang nhau, không chỉ ở phương diện hành chính, lễ nghi, tư pháp, tài chính, kiến thiết công, mà còn là những vấn đề về lương thực, sinh hoạt nơi địa phương, thân phận của số ít nông dân cũng như thợ thủ công, cách thức đối xử với cộng đồng dân nhập cư người Hoa, các mối giao thương với ngoại quốc..., do vậy còn những sự thật chưa được khai thác. Từ góc độ lịch sử kinh tế, Châu bản quả là nguồn tư liệu độc nhất vô nhị từ đó có thể rút ra hàng loạt số liệu tương đối liên tục và khá đầy đủ, cho phép bao quát được những xu thế ẩn昧 trong suốt cả diễn trình: biến đổi của giá gạo

qua hằng tháng và hằng năm chắc hẳn tác động tức khắc tới bối cảnh kinh tế-xã hội; dữ liệu số về điều tra nhân khẩu định kỳ dù chỉ phần nào song cũng cho thấy hơi hướng của áp lực dân số; lượng tiền tệ được lưu hành giải thích tình cảnh túng thiếu về tài chính của chính phủ...¹.

Liên quan vùng đất Hà Nội, Châu bản triều Nguyễn chủ yếu tập trung trên các văn bản từ niên hiệu Minh Mệnh (1820-1841) tới niên hiệu Bảo Đại (1925-1945). Trong hơn một trăm năm nhiều biến động vô tiền khoáng hậu này, vùng đất được mang tên Hà Nội đã trở thành một đơn vị hành chính: tỉnh, Hà Nội thời ấy chỉ còn là dĩ vãng về vị thế từng là Hoàng thành - Quốc đô của quốc gia. Tuy nhiên, sự thay đổi về vị trí hành chính không làm giảm đi những vấn đề cơ bản và thiết yếu của một vùng đất từng được nhiều triều đại định đô.

Vị thế địa-chính trị và các giá trị văn hóa lâu đời được tích hợp ở Hà Nội

Có nhiều nguyên nhân sâu xa khiến cho vương triều Nguyễn chọn lựa việc định đô ở Huế thay vì kế thừa kinh đô trước đó ở Thăng Long. Dù vậy, tầm quan trọng bất biến của vùng đất tích hợp lâu đời các giá trị văn hóa và vị thế chính trị - kinh tế luôn luôn đặt ra trách nhiệm cần gánh vác của Hà Nội trên nhiều phương diện. Tùy từng giai đoạn với các diễn biến lịch sử, những động thái liên quan được phản ánh trong Châu bản chứng minh những giá trị ấy: việc bổ nhiệm đại quan chức ở Hà Nội nói riêng, Bắc Kỳ nói chung (*Châu bản triều Tự Đức - 1870, tập 229, tờ 26-29; Châu bản triều Thành Thái - 1890, tập 83, tờ 99-100 ...*), việc thực thi nghi lễ ngoại giao với chính phủ Pháp tại Hà Nội (*Châu bản triều Đồng Khánh - 1886, tập 6, tờ 129, ...*), việc kết hợp lần đầu tiên trên thực tế giữa viên chức y tế người Việt Nam với quan chức y tế người Pháp để thực hiện các biện pháp phòng trị bệnh cho dân (*Châu bản triều Duy Tân - 1907, tập 3, tờ 50-54*), việc thiết lập tòa đại hình Hà Nội (*Châu bản triều Bảo Đại - 1945, tập 37, tờ 184, ...*).

Trong những hoạt động đó, không thể

không nhìn nhận tầm quan trọng của việc bổ nhiệm quan chức cấp cao, nhất là quan chức đảm trách nhiệm vụ quân sự ở tỉnh thành Hà Nội. Năm 1870 là thời điểm nhiều khó khăn đối với Bắc Kỳ bao gồm cả tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh. Nhiều lực lượng chống đối có nguồn gốc Trung Quốc là Ngô Côn, Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Sùng Anh... đã nhiều năm liên tục gây bất an trong địa phận Bắc Kỳ. Đình thần dưới triều vua Tự Đức nhìn nhận: "*Hà Nội là cửa quan trọng yếu của Bắc Kỳ mà Bắc Ninh lại là cửa ô quan trọng ở phía Bắc của Hà Nội. Vậy mà 3 nơi ấy mấy năm gần đây bên ngoài thì giặc Thanh tàn phá, bên trong thì kẻ gian gây hấn*".². Vì lý do đó, họ "*xin chọn Võ hiền Đại Học sĩ Nguyễn Tri Phương sung làm Kinh lược sứ Đại thần đến đóng giữ để tính toán xử lý công việc giữa Hà Nội và Bắc Ninh*"³. Nguyễn Tri Phương người làng Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, đương thời ông rất được vua Tự Đức tin nhiệm về năng lực quân sự, tuy vậy Châu phê còn chưa chuẩn ngay, mà "*hãy đợi báo tiếp ra sao*". Trong triều vua sau đó, Nguyễn Văn Nhung đương quyền sung Đề đốc tỉnh Hà Nội đã được hơn hai năm, dù viên này được đánh giá là thực việc, hành sự rất giỏi, bất tội phạm rất đặc lực, nhưng vẫn bị từ chối trao trọng trách thực thụ Đề đốc ở đây vì lý do thời gian làm việc còn ít. Châu bản triều Thành Thái cho biết chức trách này rất lớn, ý rằng kết quả thực việc trong hai năm dù tốt vẫn chưa đủ chứng tỏ năng lực quản lý quân sự một tỉnh quan trọng là Hà Nội.

Cùng với vị thế địa - chính trị của vùng đất cổ đô, Hà Nội là nơi kết tinh của nhiều thành quả văn hóa vật chất và tinh thần từ nhiều vùng đất khác. Hà Nội là một nơi được tin tưởng để gom góp đặc sản, vật phẩm tinh túy đặc trưng nước Nam cung hiến ngôi bậc đế vương và làm lễ vật bang giao đặc biệt. Hai thức ô mai mặn và ngọt của Hà Nội từng được Bộ Hộ soạn tấu xin chọn để dành cho sự vụ tiến cống với lời nhấn mạnh "*loại đó quý hồ tinh bất quý hồ đa*"⁴. Tỉnh Hà Nội cũng được giao trách nhiệm cung ứng loại hộp sơn son thếp vàng làm lễ phẩm tặng quan chức

Pháp quốc, tạo tác các loại hòm, tráp, cơi trầu khảm vàng, khảm xà cừ dành cho nhu cầu sử dụng của các quý bà trong triều đình. Các vị đại quan Lâm Duy Hiệp, Phan Thanh Giản trong giao tiếp với người Pháp đã tinh tế nhận thấy đồ khảm xà cừ ở tỉnh Hà Nội xứng đáng là vật phẩm đặc biệt cho việc nghi thức ngoại giao này, rất phù hợp với sở thích của “quan tây” về các hộp trầu sơn nhũ và sơn tía hình vuông⁵. Không những hấp dẫn người ngoại quốc, vẻ đẹp đặc trưng của đồ mỹ nghệ này được các vị phu nhân mệnh phụ trong triều ưa chuộng⁶. Tỉnh Hà Nội với vị thế là nơi hội tụ của nhiều phường thợ lành nghề và tiên phong, là chốn thu hút nhiều nguồn đặc sản bốn phương từng được giao tạo tác các loại chuôi kiếm và hộp đựng phấn sáp có họa tiết tinh xảo với yêu cầu đẹp tinh tế và bền chắc⁷, tu sửa đồng hồ là vật ngự dụng của Hoàng đế An Nam⁸, tìm chọn mua các thức trà xanh và trà Ô Long dành cung tiến về Kinh đô Huế.

Không chỉ tạo tác và dâng tặng đặc sản, Hà Nội với những nỗi đau lịch sử đã không phải chỉ là niềm đau riêng của một vùng đất. Những sự kiện chính trị - quân sự liên quan tới thành Hà Nội kéo theo những phản ứng xã hội từ nhiều địa phương khác là minh chứng sắc nét về tầm quan trọng của vùng đất cổ đô này.

Vị thế đối ngoại của Hà Nội trong chiến lược ngoại giao của vương triều Nguyễn

Về đối ngoại, Châu bản phản ánh rõ nét diễn tiến của những tác động từ sức mạnh phương Tây tới nhiều phương diện của triều đình nhà Nguyễn và nhiều vấn đề trong xã hội Việt Nam. Những vị vua nhà Nguyễn đã phải đương đầu với nhiều khó khăn, phải nỗ lực chắt vật để suy tính, quyết đoán những chính sách ngoại giao của nước Nam trước ảnh hưởng ngày càng lớn của người Pháp. Đồng thời, không chỉ có mối quan hệ cần phải suy tính với người Pháp và người Trung Quốc, tư liệu châu bản còn thể hiện những liên hệ đa dạng khác của nước Nam thời ấy. Việc xem xét cho phép hay không bốn người thương nhân nước Thiên Trúc đến buôn bán ở Hà Nội từng được cơ quan Thương bạc dâng tấu sau khi đã suy xét kỹ. Với đặc điểm xứ Thiên Trúc

(thuộc địa phận Ấn Độ hiện nay) đương thời có vùng thuộc Anh, có vùng thuộc Pháp, nên cơ quan ngoại giao của vương triều Nguyễn đã phải xác minh cụ thể ngõ hầu tìm ra giải pháp tư vấn trước khi dâng tấu lên Hoàng đế⁹.

Khó khăn về ngoại giao của Nam triều ngày thêm trầm trọng, đặc biệt là từ giai đoạn trị vì của Hoàng đế Tự Đức, sau khi Việt-Pháp kí Hòa ước Nhâm Tuất (1862). Ở trong tình thế yếu về thực lực quân sự-kinh tế so với người Pháp, bất lợi trong chủ trương tìm tiếng nói chung với tầng lớp trí thức và đông đảo người dân trong nước, Nam triều thời vua Tự Đức vẫn thực thi những đàm phán ngoại giao, những thương thảo nội bộ, lắng nghe với kì vọng có thể tiếp thu kiến nghị của các thuộc cấp để tìm giải pháp cho vận nước. Trong diễn biến Việt - Pháp với kết quả là nhiều hiệp ước lịch sử được ký kết ở những nơi cách xa Hà thành là Huế hay Sài Gòn, các sự kiện quân sự tiêu biểu là chiến dịch công phá thành Hà Nội những năm 1873 và 1882 chứng minh vị thế quan trọng và nhạy cảm của cổ đô này trong lĩnh vực ngoại giao quốc gia. Hiện thời mới chỉ tìm thấy những Châu bản liên quan tới sự kiện Hà thành thất thủ năm 1873. Các Châu bản xoay quanh các khía cạnh của sự kiện lịch sử này phản ánh hậu quả phức tạp của hoạt động quân sự. Không đơn giản là Pháp bình đánh thành, chiếm thành rồi trả thành để thị uy sức mạnh; không đơn giản là quân tướng Nam triều thất thủ rồi nhận lại thành. Hà Nội trong những sự kiện bi tráng này là tiêu điểm thử thách chiến lược ngoại giao và trị nước của vua nhà Nguyễn trong giai đoạn đột biến, cũng như phép thử dành cho người Pháp về thực lực quân sự Nam triều và sức mạnh lòng dân Việt. Sự kiện thành Hà Nội hai lần thất thủ cũng cho thấy mối mâu thuẫn sâu sắc giữa chủ trương của triều đình Tự Đức với ý nguyện của dân Bắc Kỳ, dân Hà Nội. Điều này từ lâu đã được chính sử Đại Nam xác nhận và nay thì được Châu bản thêm một lần minh định trong những bản Phê, bản Dụ trong những năm trị vì của vua Tự Đức¹⁰.

Trong khoảng thời gian không dài nhưng

biến động cực lớn của nước nhà và ngại vàng, vị Hoàng đế Nam triều là Tự Đức yếu ớt về thể chất, thụ hưởng giáo dục bài bản từ nền cổ học Nho giáo, đã gồng mình gánh vác nhiều biến cố chưa từng có tiền lệ. Đáng nói là phần lớn những biến cố ấy đến từ các nhân tố phương Tây – một thế giới mới lạ hoàn toàn với hầu hết vua tôi nước Nam. Trực tiếp đối mặt với tầm vóc lớn mạnh khác thường của phương Tây, không riêng Hoàng đế Tự Đức, các vị tiền nhân và kế thừa ngôi báu triều Nguyễn nước Nam là Minh Mệnh, Thiệu Trị, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại luôn luôn canh cánh mối ưu tư lớn trong lòng.

Vấn đề người Trung Quốc: đối ngoại và đối nội

Ở trong nhiều địa phương trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nhất là tại những tỉnh thành thuận lợi cho việc thương mại, hiếm khi vắng bóng người Trung Quốc. Châu bản triều Nguyễn hiện còn lưu trữ không ít văn kiện về Hà Nội với vai trò thủ phủ của Bắc Kỳ – nơi chứng kiến và diễn ra nhiều động thái liên quan tới người Trung Quốc thời nhà Thanh. Không thể không nhìn nhận một vấn đề nổi bật của Nam triều là vấn đề người Hoa làm ăn và cư trú trên lãnh địa nước Nam nói chung, trên phần đất của Hà Nội nói riêng. Các bang hội luôn luôn là đặc điểm có tính bản sắc của người Trung Quốc, kéo theo thói quen cố định các dinh cơ (thường là quy mô từ khang trang tới nguy nga) của cộng đồng người Hoa. Có truyền thống và kỹ năng thương mại, người Hoa thường nhanh chóng và sâu rộng thiết lập các mạng lưới buôn bán từ nơi họ cư trú. Hà Nội từ nhiều thế kỉ đã không còn xa lạ với những phố, phường của người Hoa. Đương nhiên, việc làm ăn không tránh khỏi mâu thuẫn, đối đầu về lợi ích, và điều này không chỉ xảy ra giữa giới thương nhân người Hoa với người Việt, người ngoại quốc khác; nhiều khi cạnh tranh nổ ra ngay trong nội bộ người Hoa với nhau. Những mâu thuẫn như vậy diễn ra trên địa bàn Hà Nội, được ghi nhận trong Châu bản, càng chứng tỏ vị trí địa - chính trị bất biến của cố đô Thăng Long.

Đời vua Minh Mệnh, quan chức tỉnh Hà Nội phối hợp với tỉnh Nam Định từng phái nhân lực đi theo trợ giúp, giám sát và lãnh trách nhiệm tổng tiễn tầu buôn của thương gia người Hoa là Lý Nghĩa Thành ra khỏi cửa biển thuộc hải phận nước Nam. Đây là một tầu buôn do gặp sóng gió gây vỡ thuyền, trôi dạt tới địa phận tỉnh Nam; chính quyền các tỉnh hữu quan đã tra xét tường tận, tầu báo cụ thể với bề trên, cho phép thương nhân này được giám sát và đưa về Hà Nội, giao cho bang hội của họ cai quản để chờ dịp trở về Thanh quốc¹¹. Từ một trường hợp Châu bản này có thể nhận thấy những khía cạnh về việc người Hoa được quản lí chặt chẽ với những hội đoàn của họ trên đất Hà Nội, về dòng buôn bán giữa Nam Định - Hà Nội và các địa phương khác, kèm trong đó là nhiều quy tắc, định lệ do chính quyền đặt ra. Đời vua Thiệu Trị, tỉnh Hà Nội cho phép thương gia Thanh quốc vào buôn bán có nộp thuế theo quy định, sau khi các tầu buôn của họ đã được kiểm tra từ Nam Định để khẳng định “không chở người Tây, sách Tây, cũng không có nha phiến cùng các vật cấm”¹². Trong khoảng những năm trị vì của Minh Mệnh - Thiệu Trị, khi thế lực của người phương Tây chưa đủ mặc sức hoành hành trên lãnh thổ nước Nam, việc ngăn chặn các yếu tố phương Tây đã hiện diện trong Châu bản như là pháp lệnh như thế.

Từ đời vua Tự Đức trở về sau, trong Châu bản phản ánh những khía cạnh đa dạng, phức tạp hơn về mối liên quan giữa người Hoa – việc thương mại của người Hoa – các vấn đề xã hội của người Hoa trên địa bàn Hà Nội. Thương nhân Trung Quốc để được vào làm ăn ở Hà Nội, theo quy định, cần phải gánh trách nhiệm nhận tiền từ công quỹ nước Nam để tìm mua và giao nộp cho chính quyền sở tại một số loại hàng hóa theo yêu cầu, trong thời hạn quy định. Hàng hóa được đặt hàng cho thương nhân Trung Quốc tìm mua thường là đặc sản phương xa, vật phẩm có giá trị mà quốc nội nước Nam không sản xuất được. Việc hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm này của nhà buôn người Hoa là tiền đề để quan chức Nam triều cân nhắc và đề đạt giảm thuế thương mại cho

thương khách đó¹³. Việc cân nhắc để đôi bên cùng có lợi và khích lệ ngoại nhân tích cực phát triển buôn bán, làm lợi cho tỉnh thành là cần thiết. Tuy nhiên, ở vị trí chủ quản nền hành chính của một tỉnh thành quan trọng ở xứ Bắc, quan chức Hà Nội và triều đình nhà Nguyễn không lơ là trọng trách giữ an ninh của tỉnh Hà Nội trước sự xâm nhập từ nhiều hướng của Hoa kiều. Lý Hoán Ký là một thương nhân Trung Quốc có nhiều hoạt động kinh doanh dịch vụ đa dạng ở phố Thanh Hà, huyện Thọ Xương (phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội) đã nhiều năm, xin được tự bỏ tiền dựng một dãy nhà ngói trong thành [Huế] để việc buôn bán được lưu thông. Triều đình Huế đã căn cứ trên những tâu báo của quan chức Hà Nội về lịch trình thương mại của viên thương nhân này, trong đó có cả “vết đen” nhận tiền công để mua hàng công cho Nam triều nhưng đến nay vẫn còn nợ ngân sách công, để làm cơ sở Châu phê không chuẩn y cho kẻ đó được mở dinh cơ buôn bán trong thành (Huế)¹⁴. Mặc dù người Hoa hiện diện khá nhiều trên địa bàn Hà Nội, Nam triều vẫn quyết định chọn người Việt thạo tiếng Hoa làm thông ngôn để theo thuyền sang Hương Cảng thực thi công vụ. Một người Việt nguyên quán thôn Quan Nhân, huyện Thanh Trì thường trú tại phủ Thừa Thiên đã được tin tưởng trao cho trách nhiệm này¹⁵.

Sự hiện diện và tích cực làm ăn của giới thương nhân người Hoa khiến dấu ấn của họ ngày thêm rõ nét trong nhiều vấn đề xã hội của Hà Nội. Chủ trương khuyến khích khách buôn Trung Quốc tham gia quyền góp vào ngân sách từng được bàn bạc trong hội họp giữa quan chức nhà Nguyễn và nhà Thanh. Trên thực tế, mặc dù số lượng nhà buôn Hoa kiều trên địa bàn Hà Nội không ít, ngân khoản quyền góp từ họ chỉ được 50 lạng bạc trong khoảng một tháng, quá ít so với kì vọng¹⁶. Có khi chỉ là một vụ việc mất trộm xảy ra trong dinh cơ của nhà buôn gốc Minh hương ở phố Hàng Buồm do người Việt vốn là đầy tớ ở đó gây ra¹⁷ mà Tổng đốc Hà - Ninh phải dâng tấu. Có khi là việc xét xử vụ án người nước Thanh có vũ khí cướp của trong địa bàn Hà Nội, mà trong số nạn nhân bị cướp cũng có

người gốc Trung Quốc. Vụ này, Bộ Hình phải dâng tấu lên trên. Các sự vụ dù lớn dù nhỏ chứng minh: sự tồn tại của cộng đồng người Hoa phái sinh trong lòng Hà Nội, trong lòng nước Nam không dễ để định danh là việc ngoại giao hay vấn đề nội chính.

Mức độ liên quan nhân tố Trung Quốc càng nghiêm trọng hơn khi các đường sự mang tư cách quan chức của nước Đại Nam nhà Nguyễn và nước Đại Thanh. Tháng Ba dương lịch năm 1870, trong bối cảnh nền chính trị nước Nam và dân chúng Bắc Kỳ phải đương đầu với nhiều biến loạn bởi các cánh loạn quân từ Trung Quốc chạy sang hoành hành, thì ở tỉnh thành Hà Nội xảy ra sự vụ mâu thuẫn giữa quan chức huyện Thọ Xương với phái viên của Đề đốc Quảng Tây (Trung Quốc) là Phùng Tử Tài. Các Châu bản liên quan vụ việc chỉ cho thấy sắc thái nghiêm trọng mà triều Nguyễn bày tỏ cùng với các hình phạt nghiêm khắc dành cho quan chức của tỉnh, huyện Hà Nội có liên quan¹⁸. *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết cụ thể hơn: một phái viên của Đề đốc Quảng Tây đến phố Hà Nội, bị mất trộm. Quan chức hữu trách khi ấy là huyện Thọ Xương tra xét chưa có kết quả thì phái viên nhà Thanh kia đã xông vào huyện nha sách nhiễu, khẩu chiến với viên chức công sở. Khi bị trối lại, phái viên này tự gây thương tích, vu họa cho công đường Thọ Xương, kêu người chạy đi kêu cứu với Đề đốc Phùng Tử Tài. Vụ việc được hai bên cùng báo lên trên: tỉnh Hà Nội hết lòng bênh vực Tri huyện Thọ Xương là Đàm Thận Lễ cùng các huyện viên. Đề đốc Quảng Tây (Trung Quốc) trích thượng đòi triều Nguyễn phải xử nghiêm cấp dưới của Nam triều, dọa sẽ thông báo về Quảng Tây là bị Nam triều bạc đãi. Vua Tự Đức đã phải viện lễ người Thanh dẹp giặc giúp ta, phạm việc không quan ngại lắm thì nên miễn cưỡng xử trí ôn hòa cho dân được chóng yên và êm xuôi mọi việc. Kết quả, Tri huyện huyện Thọ Xương phải tội trọng, đồ; Bố chánh Hà Nội, Lãnh binh Hà Nội đều bị giáng bậc, lưu chức; đồ đặc mà phái viên của Đề đốc Quảng Tây bị mất được đền trả bằng việc lập tức xuất

của công, sau đó quy cho Tri huyện và huyện viên liên quan của huyện Thọ Xương phải bồi thường. Xem ra, là quan chức ở nơi trọng địa cần có bản lĩnh cứng cỏi và không ngại gánh chịu hậu quả bất công như thế.

(Còn nữa)

Chú thích:

Bài viết được hình thành và hoàn thiện bởi sự trợ giúp tâm huyết của hai nhà lưu trữ học Đào Thị Diễm và Nguyễn Thu Hoài (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I). Người viết xin trân trọng ghi ơn

1. Nguyễn Thế Anh, ““Les sources pour l’histoire économique du Việt Nam au XIXe siècle”, in lại trong *Parcours d’un historien du Việt Nam*. Paris : Les Indes Savantes, 2008. Tr.930. Tác giả dịch Việt văn
2. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 229, tờ 26-29
3. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 229, tờ 26-29
4. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Minh Mệnh, tập 61, tờ 85
5. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 146, tờ 193-194
6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Duy Tân, tập 15, tờ 163
7. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 190, tờ 104
8. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Đồng Khánh, tập 5, tờ 114
9. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 295, tờ 269-270
10. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 156, tờ 34-35, tờ 120-121, tờ 124-126, tờ 132; Châu bản triều Tự Đức, tập 257, tờ 344-348,...
11. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Minh Mệnh, tập 77, tờ 81-82
12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Thiệu Trị, tập 13, tờ 68-69; Châu bản triều Thiệu Trị, tập 30, tờ 340; Châu bản triều Thiệu Trị, tập 34, tờ 98-99, ...
13. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 22, tờ 111-112; Châu bản triều Tự Đức, tập 26, tờ 28-29
14. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 73, tờ 219-225
15. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 211, tờ 237-238
16. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 203, tờ 146
17. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 5, tờ 92
18. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Tự Đức, tập 212, tờ 102-105; châu bản triều Tự Đức, tập 214, tờ 18-19

Tư liệu tham khảo

Bản thảo:

- Lưu trữ quốc gia Việt Nam: Trung tâm Lưu trữ số 1 (Hà Nội, Việt Nam)
- Lưu trữ hải ngoại Pháp quốc (Aix-en-Provence, Pháp)
- Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội, Việt Nam)

Ấn phẩm :

- Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam. Huế: Viện Đại học Huế. *Mục lục châu bản triều Nguyễn* (1960), Tập 1, Triều Gia Long
- NGUYỄN Thế Anh (1968) (tái bản : 1970 và 2008), *Kinh tế & xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*. Sài Gòn: Trình Bầy
- NGUYỄN Thế Anh (1970) (tái bản : 1974 và 2008), *VIỆT NAM Thời Pháp đô hộ*. Sài Gòn : Tủ Sách Sử-Địa Học : Lửa Thiêng
- Hà Mai Phương, *Hoạt động của Bộ Công dưới đời vua Tự Đức qua các châu bản nhà Nguyễn*. Sài Gòn : Bộ Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên, 1974
- *Mục lục Châu Bản triều Nguyễn* (2010), Tập 1, Gia Long (1802-1819), Minh Mệnh 1 (1820) - Minh Mệnh 5 (1824). Hà Nội : Văn hóa-Thông tin
- FOURNIAU Charles (1989), *Annam-Tonkin, 1885-1896: Lettrés et paysans vietnamiens face à la conquête coloniale* [Annam-Tonkin 1885-1896: Các nho sĩ và nông dân Việt Nam đối diện với công cuộc chinh phục thuộc địa]. Paris : L’Harmattan
- FOURNIAU Charles & TRỊNH Văn Thảo & alii,... (1999), *Le contact colonial franco-vietnamien: le premier demi-siècle (1858-1911)* [Tiếp xúc thuộc địa Pháp-Việt : Nửa thế kỷ đầu tiên], Université de Provence
- NGUYỄN Thế Anh (2008), “Les sources pour l’histoire économique du Việt Nam au XIXe siècle” [Các nguồn tư liệu về lịch sử kinh tế Việt Nam thế kỷ XIX], trong *Parcours d’un historien du Việt Nam* [Hành trình của một sử gia nước Việt]. Paris : Les Indes Savantes, tr. 929-936
- NGUYỄN Thế Anh (2008), “Le rôle des Châu bản dans les recherches sur l’histoire moderne du Việt Nam” [Vai trò của Châu bản trong các nghiên cứu về lịch sử cận đại Việt Nam], trong *Parcours d’un historien du Việt Nam* [Hành trình của một sử gia nước Việt]. Paris : Les Indes Savantes, tr.926-928
- CAO Việt Anh (2015), *Documents en caractères sino-vietnamiens aux Archives nationales d’outre-mer (France) : Une source riche en vestiges de l’histoire du Việt Nam à l’époque coloniale (1875-1945)* [Tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại (Pháp) : Theo dấu một nguồn tư liệu phong phú về lịch sử Việt Nam giai đoạn thuộc địa]. Nghiên cứu sau tiến sĩ (FMSH-WP-2015-93.2013 <halshs-01144632>.